

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày 24-4-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Huyền – Nguyên là Bí thư Đoàn thanh niên thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).
- Ông Nguyễn Lý Thành – Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thạnh Bình, tỉnh Tây Ninh.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Dương Ngọc H, sinh năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc S và bà Nguyễn Thị V; có vợ tên Lê Thị Yến L và 01 người con; tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 18-5-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong bản án ngày 07-5-2023, chưa được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Trường A, sinh năm 1992 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đầu Thị Mỹ D; có vợ tên Võ Thị Ngọc Á và 01 người con; tiền án, tiền sự không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

3. Trịnh Thị T1, sinh năm 1982 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình L1 và bà Nhâm Thị H1 (cả hai đã chết); có chồng tên Phạm Thành L2 (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân:

+ Tại Bản án số 467/2014/HS-ST ngày 06-8-2014 bị TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời gian thử thách 05 (năm) năm, đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích;

+ Tại Bản án số 69/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 bị TAND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 16-11-2021 và nộp tiền án phí, bồi thường thiệt hại, đã được xóa án tích;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 12-7-2025 cho đến nay; có mặt.

4. Đinh Thị Mỹ L3, sinh năm 1979 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1; có chồng tên Nguyễn Văn T2 (đã ly hôn) và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 13-11-2025 cho đến nay; có mặt.

5. Vũ Lê H2, sinh năm 1996 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ2 và bà Lê Thị Bảo C (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Văn U, sinh năm 2005 tại Campuchia; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn L4 và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: không có; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 10-01-2025 của UBND phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", nộp phạt ngày 11-02-2025, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

7. Nguyễn Minh T3, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L5 (đã chết) và bà Tạ Thị T4; có vợ tên Nguyễn Thị Thùy L6 và 01 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

8. Nguyễn Thành L7, sinh năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L8 và bà Nguyễn Thị K; chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2025, chuyển tạm giam từ ngày 14-5-2025 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Hà Văn S1, sinh năm 2002; nơi đăng ký thường trú: thôn D, xã H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Anh D1, sinh năm 1980; nơi cư trú: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Xóm G, xã Q, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Đinh Văn P, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2008; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị N1: ông Nguyễn Ngọc S2, sinh năm 1982 và bà Ngô Thị T6, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; là cha mẹ ruột của chị N1; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn H3, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Dương Thị Hải L9, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T7, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Số C N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Linh G, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T8, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị Như H4, sinh năm 2004; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Duy A1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài nên Dương Ngọc H, Nguyễn Thành L7, Trịnh Thị T1 và Đinh Thị Mỹ L3 rủ nhau đi trộm cắp tài sản là xe mô tô bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và phân công vai trò, nhiệm vụ cho nhau: H chuẩn bị dụng cụ bẻ khóa xe, biển số để thay vào xe lấy trộm rồi cùng L7, T1, L3 điều khiển xe mô tô rảo trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh) tìm xe mô tô của người dân để sơ hở để lấy trộm, H sẽ trực tiếp vào dùng đoạn bẻ khóa xe mô tô lấy trộm, T1 là người đứng ngoài cảnh giới khi bị phát hiện thì điều khiển xe mô tô để chở H tẩu thoát. Sau khi trộm được xe mô tô thì L3 có nhiệm vụ điều khiển xe mô tô về tỉnh Tây Ninh để H đi tiêu thụ, L7 có nhiệm vụ chạy phía sau L3 và đến địa điểm L3 giao xe cho H thì L7 rước L3, cụ thể như sau:

Vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 04-5-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu xanh đỏ đen, biển số không nhớ (xe của T1, không thu hồi được) chở T1; L7 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu màu đỏ, biển số 70H1-486.73 chở L3 (xe mô tô do ông Nguyễn Văn T2 đứng tên sở hữu, ông T2 không biết việc L3 sử dụng để đi lấy tài sản). Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến nhà trọ “H” thuộc khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. H và T1 phát hiện, xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 36C-363.71 của anh Hà Văn S1 để trước phòng trọ, không có người trông coi. T1 đứng ngoài xe cảnh giới, H đi vào dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm xe mô tô, biển số 36C-363.71 rồi cả hai điều khiển xe đến nơi Luân, L3 đang đứng đợi. Sau đó, cả 04 người cùng đi đến khu vực rừng cao su vắng người để thay đổi biển số xe. Tại đây, H thay biển số 36C-363.71 thành biển số 70H1-542.83 (biển số 70H1-542.83 của xe mô tô YAMAHA do bà Nguyễn Thị Tường A2 đứng tên sở hữu, bà A2 đã bán cho người khác không rõ) rồi đưa xe lấy được cho L3 điều khiển về huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), còn H chở T1 bằng xe Vision của T1, L7 điều khiển xe mô tô Vision của L3 chạy theo phía sau. Khi về đến ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) L3 giao lại xe mô tô trên cho H đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an huyện T bắt quả tang.

- Kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐG ngày 09-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Bình Dương: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng bạc, biển số 36C2-363.71, số máy: JA39E2944866, số khung: RLHJA3929NY494617, sản xuất năm 2022, tại thời điểm mất trộm ngày 04-5-2025, có giá trị là 18.830.000 đồng.

* **Hành vi của H và Trường A:** từ ngày 06-4-2025 đến ngày 08-4-2025, H và Trường A đã bàn bạc, thống nhất phân công vai trò, nhiệm vụ khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh, H là người trực tiếp lấy xe mô tô và đi tiêu thụ xe, Trường A đứng ngoài cảnh giới khi bị phát hiện thì điều khiển xe mô tô chở H tẩu thoát. Sau khi bán được xe thì H được chia tiền nhiều hơn Trường Anh, theo tỷ lệ 6/4, cụ thể đã thực hiện được 05 vụ như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 06-4-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius Fi, màu đen, không nhớ biển số (xe này H mượn của người Campuchia tên T9, không rõ nhân thân, lai lịch) chở Trường A đến nhà trọ “Chín Liền” thuộc khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh) lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70D1- 773.84 của anh Nguyễn Anh D1, sinh năm 1980 dựng trước cửa phòng trọ, trên xe có sẵn chìa khóa. H đi vào lấy trộm xe mô tô, còn Trường A đứng ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được xe mô tô H điều khiển xe mô tô đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 6.000.000 đồng. H chia Trường A số tiền 2.400.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70D1-773.84, số máy: JA39E2660582, số khung: RLHJA3924NY163606, đăng ký lần đầu ngày 17-7-2023, tại thời điểm mất trộm tháng 04-2025, có giá trị 13.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: ngày 07-4-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius Fi chở Trường A đến khu vực khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển số 70B1-786.20 của anh Vũ Văn Q dựng phía trước nhà, H đi vào dùng đoạn bẻ khóa xe, còn Trường A ở phía ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được xe mô tô nói trên H thông báo cho T1 biết để T1 thông báo cho T3 biết để H điều khiển xe mô tô trên đến nhà Nguyễn Minh T3 bán cho T3, với số tiền 5.500.000 đồng, H chia cho Trường A số tiền 2.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển số 70B1-786.20, số máy: JA39E067768, số khung: RLHJA3906HY697516, đăng ký lần đầu ngày 05-9-2018, tại thời điểm mất trộm tháng 04-2025, có giá trị 12.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: ngày 07-4-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius Fi chở Trường A đến khu vực khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, biển số 70H1-416.55 của bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1963, đang dựng trước cửa nhà. H đi vào dùng đoạn bẻ khóa xe, Trường A ở phía ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được xe mô tô nêu trên H điều khiển xe mô tô đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 6.500.000 đồng, H chia Trường A số tiền 2.500.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG ngày 10-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, biển số 70H1-416.55, số máy: JA39E1017948, số khung: 3941KY160630, đăng ký lần đầu ngày 20-6-2019, tại thời điểm mất trộm ngày 07-4-2025, có giá trị là 11.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: ngày 07-4-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius Fi, chở Trường A đến khu vực ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) H và Trường A phát hiện xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh, biển số 70HA-092.48 của anh Đinh Văn P dựng cạnh tiệm tạp hóa của ông Đinh Công D2, sinh năm 1963, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có gắn sẵn chìa khóa trên xe. H đi bộ đến lén lút chiếm đoạt xe mô tô, còn Trường A đứng cạnh giới. Sau khi lấy được xe mô tô nói trên H thông báo cho T1 biết để T1 thông báo cho T3 biết. Sau đó, H giao xe cho Đinh Thị Mỹ L3 điều khiển, T1 điều khiển xe chạy trước dẫn đường cho L3 đến nhà T3 bán xe cho T3, với số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi bán xe cho T3 thì T1 chở L3 đi về. Số tiền có được từ việc bán xe H chia Trường A số tiền 3.700.000 đồng, chia cho L3 số tiền 500.000 đồng và bao cho T1 ăn, uống.

- Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG ngày 24-4-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu xanh, biển số 70HA-092.48, số máy: JC98E0152144, số khung: KLHJC7665RYO1770, đăng ký lần đầu ngày 14-3-2025, tại thời điểm mất trộm ngày 07-4-2025, có giá trị là 26.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: ngày 08-4-2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius Fi, chở Trường A đến khu vực ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) H và A phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu Trắng, biển số 70HA- 040.23 của chị Nguyễn Thị Hồng N1 dựng phía trước nhà, có chìa khóa cắm sẵn trên xe. H đi vào lấy xe, còn Trường A đứng ngoài xe cạnh giới. Sau khi lấy được xe H điều khiển xe đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 9.000.000 đồng, H chưa chia tiền cho Trường A.

- Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐG ngày 06-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70HA-040.23, số máy: JA70E0528900, số khung RLHJA3932RY180094, đăng ký lần đầu ngày 10-9-2024, tại thời điểm mất trộm ngày 08-4-2025, có giá trị là 14.000.000 đồng.

*** Hành vi của Dương Ngọc H và Vũ Lê H2:** từ ngày 02-4-2025 đến ngày 06-4-2025, H và H2 đã bàn bạc, thống nhất phân công vai trò, nhiệm vụ khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô, H là người trực tiếp lấy trộm xe mô tô và đi tiêu thụ xe, H2 đứng ngoài cạnh giới và rước H sau khi đi bán xe. Sau khi bán được xe thì H được chia tiền nhiều hơn H2, theo tỷ lệ 6/4, cụ thể đã thực hiện được 03 vụ như sau:

Vụ thứ nhất: ngày 02-4-2025, H điều khiển xe mô tô Sirius Fi, chở H2 đến khu vực khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70H1-583.75 của ông Nguyễn Ngọc T7 đang dựng phía trước nhà. H2 đứng ngoài xe cạnh giới, H đi vào nhà dùng đoạn bẻ khóa lấy xe. Sau khi lấy được xe thì H điều khiển xe mô tô đến ngã 4 xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh bán xe cho người đàn ông

Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 6.000.000 đồng, H chia H2 số tiền 2.600.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70H1-853.75, số máy: JA39E2744475, số khung: RLHJA3929NY247467, đăng ký lần đầu ngày 18-10-2022, tại thời điểm mất trộm tháng 04-2025, có giá trị 13.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: ngày 02-4-2025, H điều khiển xe mô tô Sirius Fi chở H2 đến nhà trọ "H" thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70H1- 635.40 của anh Nguyễn Văn T8 đang dựng phía trước dãy phòng trọ. H2 đứng phía ngoài cảnh giới, H đi vào dùng đoạn bẻ khóa lấy xe. Sau khi lấy được xe H đem bán người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 5.000.000 đồng, H chia H2 số tiền 2.300.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70HA- 635.40, số máy: JA70E0094423, số khung: RLHJA3931PY068223, đăng ký lần đầu ngày 21-11-2023, tại thời điểm mất trộm tháng 04-2025, có giá trị 14.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: ngày 06-4-2025, H điều khiển xe mô tô Sirius Fi chở H2 đến khu vực ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70H1-481.23 của anh Lê Văn H3 đang dựng phía trước nhà không người trông coi. H2 đứng ngoài xe cảnh giới, H3 đi vào nhà dùng đoạn bẻ khóa lấy xe. Sau đó, H3 điều khiển xe đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 5.000.000 đồng, H3 chia H2 số tiền 2.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ đen bạc, biển số 70H1-481.23, số máy: JA39E1523963, số khung: 3913LY186055, đăng ký lần đầu, có giá trị 13.000.000 đồng.

*** Hành vi của Dương Ngọc H và Nguyễn Văn U:** từ ngày 01-4-2025 đến ngày 06-4-2025, H và U đã bàn bạc, thống nhất phân công vai trò, nhiệm vụ khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô, U là người trực tiếp lấy trộm xe mô tô, H là người cảnh giới và đi tiêu thụ xe. Sau khi bán được xe thì H và U chia tiền bằng nhau, theo tỷ lệ 5/5, cụ thể đã thực hiện được 02 vụ như sau:

Vụ thứ nhất: ngày 01-4-2025, H điều khiển xe mô tô Sirius Fi, chở U đến khu vực ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển số 70D1-158.68 của ông Nguyễn Linh G dựng phía trước nhà, có gắn sẵn chìa khóa. U đi vào lấy xe, H đứng ngoài xe cảnh giới. Sau đó, U giao xe mô tô được cho H điều khiển xe đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây

Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 4.000.000 đồng, H chia tiền cho Ước số tiền 2.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 21-4-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T (cũ): 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70D1-158.68, số máy: HC12E3306279, số khung: HHC120EBY506263, đăng ký lần đầu ngày 08-01-2013, tại thời điểm mất trộm ngày 01-4-2025, có giá trị 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: ngày 06-4-2025, H điều khiển xe mô tô Sirius Fi, chở U đến khu vực khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xanh đen, biển số 70H1-564.36 của chị Dương Thị Hải L9 đang dựng phía trước nhà, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. H dừng xe phía bên ngoài cảnh giới cho U đi vào lấy xe. Sau khi lấy được xe U giao xe lại cho H điều khiển xe đến khu vực cầu S thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh) bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) với số tiền 6.000.000 đồng, H chia Ước số tiền 3.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG ngày 12-5-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, F, màu xanh đen, biển số 70H1-564.36, số máy: JA82E0400977, số khung: RLHJA3857NY120277, đăng ký lần đầu ngày 06-6-2022, tại thời điểm mất trộm tháng 04-2025, có giá trị 16.000.000 đồng.

*** Hành vi của Nguyễn Minh T3 và Trịnh Thị T1: Tài bàn bạc, thống nhất với T1 khi nào chiếm đoạt được xe mô tô, không có giấy tờ, giá rẻ bán cho T3 thì T1 đồng ý. Trong ngày 07-4-2025, thông qua T1 thì T3 đã mua 02 xe mô tô do lén lút chiếm đoạt mà có của H, Trường A, cụ thể như sau:**

Vụ thứ nhất: ngày 07-4-2025, sau khi H và Trường A lấy được xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển số 70B1-786.20 của anh Vũ Văn Q thì H thông báo cho T1 biết, T1 điện thoại cho T3 mô tả đặc điểm xe, giá xe cho T3. Sau đó, H điều khiển mô tô lấy trộm đến nhà T3 bán, với số tiền 5.500.000 đồng. Sau khi giúp H bán xe cho T3 thì T1 được H bao cho đi ăn, uống. Xe mô tô nêu trên có giá trị 12.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: ngày 07-4-2025, sau khi H và Trường A lấy được xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xanh, biển số 70HA-092.48 của anh Đinh Văn P thì H thông báo cho T1 biết, T1 điện thoại cho T3 mô tả đặc điểm xe, giá xe cho T3. Sau khi trộm được xe H giao xe lại cho L3 điều khiển xe đến nhà T3 để bán, với số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi giúp H bán xe cho T3 thì T1 được H bao cho đi ăn, uống. Xe mô tô nêu trên có giá trị 26.000.000 đồng.

* Ngoài thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản nêu trên thì các H, L7, T1, L3, T3 còn lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh), cụ thể:

- Vào khoảng tháng 4-2025, H và L7 lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda, loại Wave, tại khu vực giáp ranh giữa thành phố T và thị xã D, tỉnh Bình Dương bán cho người Campuchia, với số tiền 8.000.000 đồng.

- Ngày 03-5-2025, H lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 23B1-447.70 của ông Nông Thanh N2, tại khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương bán cho T3, với số tiền 7.000.000 đồng.

- Thúy có hứa hẹn trước với người tên B, không rõ nhân thân, lại lịch ở tỉnh Bình Dương để mua xe trộm cắp. Ngày 03-5-2025, sau khi B lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 49AH-067.59 của bà Trần Uyển Tố T10, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì T1 mua xe với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, T1 giao xe cho L3, L7 điều khiển xe về Tây Ninh bán cho T3, với số tiền 7.000.000 đồng.

- Ngày 03-5-2025, T1, L3 lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda, loại Vario, biển số 59G3-169.11 của bà Nguyễn Thị Kim L10, tại T, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bán cho T3, với số tiền 20.000.000 đồng.

* Kê biên tài sản: ngày 01-10-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành kê biên Quyền sử dụng đất diện tích 600m², tờ bản đồ số 3, thửa đất số 452, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh của bị cáo L7; Quyền sử dụng đất diện tích 800m², tờ bản đồ số 64, thửa đất số 515, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh của bị cáo T3; Quyền sử dụng đất diện tích 295m², tờ bản đồ số 54, thửa đất số 420, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh của bị cáo T1. Các bị cáo H, Trường A, U, H2, L3 không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

* Phân trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh S1 đã nhận lại tài sản xe mô tô bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Các bị hại anh D1, anh Q, bà T5, anh P, chị N1, ông G, chị L9, anh H, ông Ngọc T7, anh Văn T8 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản đã định giá.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKSKV11 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh đã truy tố bị cáo Dương Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Trường A, Trịnh Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Vũ Lê H2, Nguyễn Văn U, Đinh Thị Mỹ L3, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành L7 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc H, Nguyễn Trường A, Trịnh Thị T1, Đinh Thị Mỹ L3, Vũ Lê H2, Nguyễn Văn U, Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Thành L7 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Dương Ngọc Hiền T11 05 năm tù đến 06 năm tù.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trịnh Thị T1 từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Lê H2 từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U' từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T3 từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đinh Thị Mỹ L3 từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L7 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

** Về bồi thường thiệt hại:* căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị hại anh S1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Buộc các bị cáo H, A, T1, L3, H2, U', T3 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại anh D1, anh Q, bà T5, anh P, chị N1, ông G, chị L9, anh H, ông Ngọc T7, anh Văn T8 theo quy định của pháp luật.

** Xử lý vật chứng:* căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo H, A, T1, L3, H2, U', T3, L7 thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại bà T5 và anh H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại là H, H2, Anh; các bị hại khác không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Duy A1) không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: tất cả các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo có thể sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: các bị hại anh S1, anh Q, ông Ngọc T7, anh Văn T8, chị N1 và người đại diện hợp pháp của bị hại N1 (bà T6 và ông S2); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị N3 Huỳnh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2.2] Về thủ tục trợ giúp pháp lý: chị N1 là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án, đã được các Cơ quan tiến hành tố tụng thông báo và giải thích về quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định, nhưng chị N1 và người đại diện hợp pháp của chị N1 (cha, mẹ) từ chối, không yêu cầu thực hiện trợ giúp pháp lý, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về việc tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của H cùng đồng phạm thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) trong tháng 4-2025, ngày 03-5-2025 và ngày 19-6-2025 như sau:

- 01 xe mô tô Honda, loại Wave, H và L7 lén lút chiếm đoạt vào khoảng tháng 4-2025, tại khu vực giáp ranh giữa thành phố T và thị xã D, tỉnh Bình Dương bán cho người Campuchia;

- 01 xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 23B1-447.70 của ông Nông Thanh N2, bị chiếm đoạt ngày 03-5-2025, tại khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương do H thực hiện bán cho T3;

- 01 xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 49AH-067.59, của bà Trần Uyên Tố T10, bị chiếm đoạt ngày 03-5-2025, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do người tên B thực hiện bán lại cho T1, T1 giao cho L3 và L7 bán lại cho T3;

- 01 xe mô tô Honda, loại Vario, biển số 59G3-169.11 của bà Nguyễn Thị Kim L10, sinh năm 1976, ngụ T, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương bị mất ngày 03-5-2025 do L3 thực hiện và bán cho T3;

- 01 xe mô tô hiệu ESPERO, biển số 69AH-054.90, của ông Nguyễn Chí T12 bị mất ngày 19-6-2025, tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương do T1 mua lại của người tên L11.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển tin báo tội phạm và tài liệu liên quan kèm theo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H) để xử lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Công an phường B, phường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp nhận tin báo tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T chuyển đến, đang tiến hành điều tra, xác minh theo quy định, trong đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số M9281/QĐ-CSHS ngày 30-9-2025 chờ kết quả trưng cầu định giá tài sản. Do đó, việc tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[3.1] Do muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên từ ngày 01-4-2025 đến ngày 04-5-2025, H cùng các đồng phạm gồm Trường A, H2, U, T1, L7, T3 và L3 đã bạc bẽo thống nhất với nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện, tìm kiếm tài sản và đã lén lút thực hiện 11 vụ chiếm đoạt tài sản là xe mô tô trên hai địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tỉnh Tây Ninh) và thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh) của những bị hại là anh Hà Văn S1, anh Nguyễn Anh D1, anh Vũ Văn Q, anh Đinh Văn P, ông Nguyễn Linh G, ông Nguyễn Ngọc T7, anh Nguyễn Văn T8, bà Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thị Hồng N1, chị Dương Thị Hải L9, anh Lê Văn H3 với tổng giá trị tài sản là 160.830.000 đồng, cụ thể như sau: H3 thực hiện chung với các bị cáo khác 11 vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt là 160.830.000 đồng, trong đó: thực hiện chung với Trường A 05 vụ, giá trị tài sản 76.000.000 đồng; chung với T1 03 vụ, giá trị tài sản 56.830.000 đồng; chung với H2 03 vụ, giá trị tài sản 40.000.000 đồng; chung với U 02 vụ, giá trị tài sản 26.000.000 đồng; chung với L3 02 vụ, giá trị tài sản 44.830.000 đồng; chung với L7 01 vụ, giá trị tài sản 18.830.000 đồng; bị cáo T3 thỏa thuận, hứa hẹn trước và đã tiêu thụ 02 xe mô tô do H3 cùng đồng phạm chiếm đoạt của người khác, giá trị tài sản là 38.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[3.2] Khi thực hiện thành vi phạm tội, tất cả các bị cáo đều có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc thỏa thuận thống nhất với nhau, chuẩn bị công cụ, phương tiện và phân công vai trò cụ thể cho từng người (ai trực tiếp lấy tài sản, ai cảnh giới, ai liên hệ tìm người tiêu thụ tài sản...), nên hành vi của các bị cáo H3, Trường A, T1, T3, U, H2, L3, L7 bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Bị cáo H3 không có nghề nghiệp, 11 lần liên tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, tổng giá trị tài sản là 160.830.000 đồng và bị cáo lấy

khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội là 39.200.000 đồng làm nguồn thu nhập của bị cáo, nên bị cáo bị áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trường A 05 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản là 76.000.000 đồng, hưởng lợi 10.600.000 đồng, nhưng bị cáo có nghề nghiệp và không lấy khoản tiền thu lợi bất chính nêu trên làm nguồn thu nhập; bị cáo T1 03 lần thực hiện hành vi tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 56.830.000 đồng, nên các bị cáo A, T1 bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3.4] Đối với người đàn ông Campuchia mua xe mô tô do bị cáo H3 cùng đồng phạm trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, lại lịch nên chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[3.5] Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSKV11 ngày 17-12-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh truy tố các bị cáo H3, A, T1, L7, H2, U, T3, L3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong khoảng thời gian ngắn các bị cáo thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô của người dân, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: đây là vụ án đồng phạm có tổ chức vì khi thực hiện tội phạm các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, có sự bàn bạc, phân công công việc cụ thể:

Đối với bị cáo H3 là người khởi xướng, rủ rê, xúi giục các bị cáo khác thực hiện tội phạm, trực tiếp hoặc giúp sức cho bị cáo khác cảnh giới khi thực hiện việc lấy tài sản, nên cần xử phạt bị cáo mức án cao nhất.

Bị cáo Trường A giúp sức cho bị cáo H3 05 lần thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, nhiều hơn các bị cáo khác; bị cáo T1 giúp sức cho bị cáo H3 thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản, giữ vai trò là người bàn bạc thỏa thuận với bị cáo T3 về việc sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại sẽ bán lại cho bị cáo T3 và bị cáo đã giúp bị cáo H3 bán 02 xe mô tô cho bị cáo T3. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo Trường A và T1 mức án cao hơn các bị cáo còn lại, nhưng thấp hơn bị cáo H3.

Các bị cáo còn lại tham gia với bị cáo H3 chiếm đoạt tài sản của bị hại cụ thể như sau: bị cáo H2 tham gia 03 vụ; các bị cáo U, L3, T3 mỗi bị cáo tham gia 02 vụ, bị cáo L7 tham gia 01 vụ, nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

[6.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H3, Trường A3, H2, U, L3, T1, T3, mỗi bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại ít nhất 02 lần và nhiều nhất 11 lần, trị giá tài sản của từng lần phạm tội đều trên 2.000.000 đồng, nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H3 đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo H3, Trường A, T1, L3, U, H2, T3 và L7 đều thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Gia đình các bị cáo L7, Trường A và T3 đã nộp tiền tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh để khắc phục một phần hậu quả, cụ thể: ngày 16-10-2025 bị cáo L7 nộp số tiền 5.000.000 đồng mặc dù bị cáo không phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (do bị hại không yêu cầu); ngày 24-12-2025 gia đình bị cáo Trường A nộp số tiền 40.000.000 đồng và ngày 14-4-2026 gia đình bị cáo T3 nộp số tiền 5.000.000 đồng, nên các bị cáo L7, Trường A và T3 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo L7 từng là quân nhân xuất ngũ, Công an viên xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, được tặng danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến” các năm 2012, 2015, 2016; được Chủ tịch UBND xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và có ông nội Nguyễn Văn C1 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huy hiệu 55 tuổi Đảng, được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen và Chủ tịch UBND huyện T tặng Giấy khen; bị cáo H2 có bà nội Đỗ Thị T13 là Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng và hai bác Vũ Văn L12, Vũ Văn T14 là Liệt sỹ; tại phiên tòa, các bị hại bà T5 và anh H3 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H3, A, H2. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H3, A, L7, H2.

[6.3] Xét thấy, bị cáo L7 không có tiền án, tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L7 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định.

[6.4] Nhân thân: bị cáo T1 từng bị Tòa án kết án về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo U bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị cáo H2 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”, mặc dù đã được xóa án tích, xóa tiền sự nhưng nhân thân các bị cáo vẫn bị xem là xấu.

[7] Về hình phạt áp dụng:

[7.1] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo có tuổi đời còn trẻ nhưng lại lười lao động, mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải làm việc, lao động chân chính; trong đó một số bị cáo từng bị kết án hoặc bị xử phạt hành chính về tội phạm hoặc hành vi trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong bản án, quyết định các bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm cho bản thân, có bị cáo từng là chiến sỹ Công an nhân dân biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém, việc các bị cáo liên tiếp thực hiện tội phạm trong thời gian ngắn đã gây hoang man cho nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[7.2] Đối với bị cáo L7 có nhân thân tốt, tham gia trộm cắp tài sản trong vụ án 01 lần với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, chưa được hưởng lợi ích gì và đã tự nguyện nộp 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại; bản thân bị cáo và gia đình bị cáo được cơ quan, chính quyền địa phương cấp huyện, tỉnh tặng Giấy khen, Bằng khen và bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 11 tháng 19 ngày (từ ngày 05-5-2025 đến ngày 24-4-2026), nên xét thấy xử phạt bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại anh S1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản các bị cáo H3, A, T1, H2, U, L3, T3 chiếm đoạt của các bị hại anh D1, anh Q, bà T5, anh P, chị N1, ông G, chị L9, anh H3, ông Ngọc T7, anh Văn T8 hiện không thu hồi được và các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo giá mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá tổng cộng là 142.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Xét thấy, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm gây thiệt hại cho các bị hại, trong đó bị cáo H3 chia tỷ lệ 6/4 với các bị cáo Trường A, H2; chia tỷ lệ 5/5 với bị cáo U và không xác định được tỷ lệ chia lợi với các bị cáo T3, T1, L3. Căn cứ Điều 587 của Bộ luật Dân sự cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại, trong đó trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo cùng gây thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi, tỷ lệ hưởng lợi bất chính của từng bị cáo; trường hợp không xác định được mức độ lỗi thì các bị cáo phải bồi thường theo phần bằng nhau. Tổng số tiền các bị cáo H3, A, T1, L3, U, H2, T3 phải bồi thường cho các bị hại trong 10 vụ chiếm đoạt tài

sản là 142.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo L7 tự nguyện dùng số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 cho các bị cáo khác để bồi thường cho các bị hại, đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng vào số tiền các bị cáo khác phải bồi thường cho các bị hại, số tiền còn lại mà các bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 137.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Các bị cáo H3 và A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh D1 13.000.000 đồng, bà T5 11.000.000 đồng và chị N1 14.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 1.339.000 đồng (gồm anh D1 458.000 đồng, bà T5 387.000 đồng và chị N1 494.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 đồng đã nộp, các bị cáo H3 và A phải tiếp tục bồi thường cho anh D1 12.542.000 đồng, bà T5 10.613.000 đồng, chị N1 13.506.000 đồng, tổng số tiền là 36.661.000 đồng. Trong đó, bị cáo H3 phải bồi thường số tiền là 21.997.000 đồng; bị cáo A phải bồi thường số tiền là 14.664.000 đồng.

- Các bị cáo H3 và H2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Văn T8 14.000.000 đồng, ông Ngọc T7 13.000.000 đồng và anh H3 13.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 1.410.000 đồng (gồm anh Văn T8 494.000 đồng, anh H3 458.000 đồng, ông Ngọc T7 458.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 đồng đã nộp, các bị cáo H3 và H2 phải tiếp tục bồi thường cho anh Văn T8 13.506.000 đồng, anh H3 12.542.000 đồng và ông Ngọc T7 12.542.000 đồng, tổng cộng 38.590.000 đồng. Trong đó, bị cáo H3 phải bồi thường số tiền 23.153.000 đồng; bị cáo H2 phải bồi thường 15.437.000 đồng.

- Các bị cáo H3 và U phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông G 10.000.000 đồng và chị L9 16.000.000 đồng, tổng cộng 26.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 916.000 đồng (gồm ông G 352.000 đồng, chị L9 564.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 đồng đã nộp, các bị cáo H3 và U phải tiếp tục bồi thường cho ông G 9.648.000 đồng và chị L9 15.436.000 đồng, tổng cộng 25.084.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông G 4.824.000 đồng và bồi thường cho chị L9 7.718.000 đồng.

- Các bị cáo H3, A, T3, T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Q số tiền 12.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 420.000 đồng (trong tổng số tiền 5.000.000 đồng đã nộp), các bị cáo H3, A, T3, T1 phải tiếp tục bồi thường cho anh Q số tiền 11.580.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Q 2.895.000 đồng.

- Các bị cáo H3, A, T3, T1 và L3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh P số tiền 26.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 915.000 đồng (trong tổng số tiền 5.000.000 đồng đã nộp), các bị cáo H3, A, T3, T1, L3 phải tiếp tục bồi thường cho anh P 25.085.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh P 5.017.000 đồng.

Gia đình bị cáo A đã nộp thay bị cáo số tiền 40.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002766 ngày 24-12-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, bị cáo A yêu cầu được nhận lại số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ số tiền bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường, xét yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Gia đình bị cáo T3 đã nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001659 ngày 14-4-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, khấu trừ số tiền bị cáo T3 phải bồi thường cho các bị hại là 7.912.000 đồng, bị cáo T3 còn phải nộp tiếp số tiền 2.912.000 đồng.

[8.2] Xử lý vật chứng: căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy:

- Tài sản thu giữ của các bị cáo có liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Tài sản thu giữ của các bị cáo có liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, anh Duy A1 yêu cầu nhận lại điện thoại di động hiệu Oppo A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trường A, điện thoại này bị cáo Trường A sử dụng để liên lạc thực hiện tội phạm; tại phiên tòa, anh Duy A1 không chứng minh được tài sản thu giữ thuộc sở hữu của anh và anh cũng không yêu cầu nhận lại tài sản, do đó căn cứ quy định của pháp luật cần tịch thu sung tài sản vào ngân sách Nhà nước.

- Tiền và tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tài sản thu giữ của bị cáo nhưng xác định thuộc quyền sở hữu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Lệnh kê biên tài sản số 804, 805, 806 cùng ngày 01-10-2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T kê biên quyền sử dụng đất của các bị cáo L7, T1, T3 cần tiếp tục duy trì cho đến khi các bị cáo chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

[10] Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10.1] Các bị cáo H3, Trường A3, H2, U, T1, L3, T3, L7 là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

[10.2] Bị cáo L7 không phải bồi thường thiệt hại, bị cáo Trường A đã nộp tiền bồi thường thiệt hại tại Cơ quan Thi hành án dân sự, nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10.3] Các bị cáo H3, H2, U, T1, L3, T3 phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm:

- Bị cáo H3 (21.997.000 đồng + 23.153.000 đồng + 12.542.000 đồng + 7.912.000 đồng) x 05% = 3.280.200 đồng (làm tròn 3.280.000 đồng);
- Bị cáo H2 15.437.000 đồng x 05% = 771.850 đồng (làm tròn 772.000 đồng);
- Bị cáo U' 12.542.000 đồng x 05% = 627.100 đồng (làm tròn 627.000 đồng);
- Bị cáo T1 7.912.000 đồng x 05% = 395.600 đồng (làm tròn 396.000 đồng);
- Các bị cáo L3 và T3, mỗi bị cáo chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc H, Nguyễn Trường A, Vũ Lê H2, Trịnh Thị T1, Nguyễn Văn U', Nguyễn Minh T3, Đinh Thị Mỹ L3, Nguyễn Thành L7 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025

1.2. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.3. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 12-7-2025.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Lê H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Mỹ L3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 13-11-2025.

1.6. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U' 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.7. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T3 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

1.8. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L7 11 (mười một) tháng 19 (mười chín) ngày tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 05-5-2025.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thành L7 nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

2. Biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

2.1.1. Buộc các bị cáo Dương Ngọc H và Nguyễn Trường A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Anh D1 13.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T5 11.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Hồng N1 14.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 1.339.000 đồng (gồm anh D1 458.000 đồng, bà T5 387.000 đồng và chị N1 494.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, các bị cáo H và Trường A phải tiếp tục bồi thường cho anh D1 12.542.000 đồng, bà T5 10.613.000 đồng, chị N1 13.506.000 đồng, tổng cộng là 36.661.000 (ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, cụ thể:

- Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là 21.997.000 (hai mươi một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn) đồng, gồm:

+ Bồi thường cho anh Nguyễn Anh D1 số tiền 7.525.000 (bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T5 số tiền 6.368.000 (sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N1 số tiền 8.104.000 (tám triệu một trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trường A phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 14.664.000 (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng, gồm:

+ Bồi thường cho anh Nguyễn Anh D1 số tiền 5.017.000 (năm triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T5 số tiền 4.245.000 (bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N1 số tiền 5.402.000 (năm triệu bốn trăm lẻ hai nghìn) đồng.

2.2.2. Buộc các bị cáo Dương Ngọc H và Vũ Lê H2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn T8 14.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc T7 13.000.000 đồng và anh Lê Văn H3 13.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là

40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 1.410.000 đồng (gồm anh Văn T8 494.000 đồng, anh H3 458.000 đồng, ông Ngọc T7 458.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, các bị cáo H3 và H2 phải tiếp tục bồi thường cho anh Văn T8 13.506.000 đồng, anh H3 12.542.000 đồng và ông Ngọc T7 12.542.000 đồng, tổng cộng 38.590.000 (ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng, cụ thể:

- Buộc bị cáo Dương Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 23.153.000 (hai mươi ba triệu một trăm năm mươi ba nghìn) đồng, gồm:

- + Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T8 số tiền 8.103.000 (tám triệu một trăm lẻ ba nghìn) đồng;

- + Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T7 số tiền 7.525.000 (bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

- + Bồi thường cho anh Lê Văn H3 số tiền 7.525.000 (bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Lê H2 phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 15.437.000 (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng, gồm:

- + Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T8 số tiền 5.403.000 (năm triệu bốn trăm lẻ ba nghìn) đồng;

- + Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T7 số tiền 5.017.000 (năm triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng;

- + Bồi thường cho anh Lê Văn H3 số tiền 5.017.000 (năm triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng.

2.2.3. Buộc các bị cáo Dương Ngọc H và Nguyễn Văn Ư phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Linh G 10.000.000 đồng và chị Dương Thị Hải L9 16.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 916.000 đồng (gồm ông G 352.000 đồng, chị L9 564.000 đồng), trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, các bị cáo H và Ư phải tiếp tục bồi thường cho ông G số tiền 9.648.000 đồng và chị L9 số tiền 15.436.000 đồng, tổng cộng 25.084.000 (hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, trong đó buộc mỗi bị cáo H và Ư phải có trách nhiệm bồi thường cho ông G số tiền 4.824.000 (bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn) đồng và bồi thường cho chị L9 số tiền 7.718.000 (bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng.

2.2.4. Buộc các bị cáo Dương Ngọc H, Nguyễn Trường A, Nguyễn Minh T3, Trịnh Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Văn Q số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 420.000 (bốn trăm hai mươi nghìn) đồng, trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, các bị cáo H, A, T3, T1

phải tiếp tục bồi thường cho anh Q số tiền 11.580.000 (mười một triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Q số tiền 2.895.000 (hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

2.2.5. Buộc các bị cáo Dương Ngọc H, Nguyễn Trường A, Nguyễn Minh T3, Trịnh Thị T1 và Đinh Thị Mỹ L3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Đinh Văn P số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo L7 tự nguyện bồi thường thay các bị cáo là 915.000 (chín trăm mười lăm nghìn) đồng, trong tổng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001541 ngày 16-10-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, các bị cáo H, A, T3, T1, L3 phải tiếp tục bồi thường cho anh P số tiền 25.085.000 (hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, trong đó buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh P số tiền 5.017.000 (năm triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng.

Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Trường A đã nộp thay bị cáo số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng theo Biên lai thu số 0002766 ngày 24-12-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, khấu trừ số tiền bị cáo Trường A phải bồi thường cho các bị hại là 22.576.000 (hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, bị cáo Trường A được nhận lại số tiền chênh lệch là 17.424.000 (mười bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Minh T3 đã nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu số 0001659 ngày 14-4-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Tây Ninh, khấu trừ số tiền bị cáo T3 phải bồi thường cho các bị hại là 7.912.000 (bảy triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng, bị cáo T3 còn phải nộp tiếp số tiền 2.912.000 (hai triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Xử lý vật chứng: căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) đoạn kim loại gồm một đầu đẹp, 01 (một) đầu tròn 8mm; 01 (một) cờ lê kim loại gồm một đầu 10mm, một đầu 8mm; 01 (một) đoạn kim loại hình tròn; 01 (một) đoạn kim loại có 01 (một) đầu đẹp, 01 (một) đầu lục giác; 01 (một) cờ lê kim loại, màu trắng có chữ "YET" USA standard; 01 (một) biển số 70H1-542.83.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, số IMEI1: 869563046336274; số IMEI2: 869563046336266, đã qua sử dụng của bị cáo Dương Ngọc H;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A96, màu đen, số IMEI1: 863820050402715, số IMEI2: 863820050402707, đã qua sử dụng của bị cáo Trịnh Thị T1.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A60, màu đen, kiểu máy CPH2631, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Trường A.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, màu bạc, số IMEI: 355849849198948, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn U.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng, số IMEI: 355720070455104, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thành L7.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03, màu xanh, số IMEI1: 35053828071861501, đã qua sử dụng của bị cáo Vũ Lê H2.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro, màu vàng đồng, số IMEI: 357154678757034, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Minh T3.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu il6 Pro màu đen, số imei1: 353034115882641, imei2: 353034115979793, gán sim số: 0974122952 của bị cáo Đinh Thị Mỹ L3.

- Trả lại tiền Việt Nam và tài sản thu giữ không liên quan đến việc phạm tội cho các bị cáo, nhưng giao Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án, gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành L7: số tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đựng trong 01 (một) bì thư được niêm phong bởi Phòng K1 Công an tỉnh T, có chữ ký của giám định viên Phạm Thị Minh N4 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A12, số IMEI1: 358334900699365, màu đen, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Thị T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 357926952366479, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model TA - 1538, màu xanh, số IMEI: 358589294643044, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model TA - 1030, màu vàng, số IMEI: 355826090502690, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 60B3-406.75, số khung: RLHHC08062Y266867, số máy: HC08E0266907, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 015262 do Trần Thị Mộng D3 đứng tên; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, không biển số, số khung: RLCUE1740HY048630, số máy: E3T6E306130, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 024792 do Nguyễn Toàn M đứng tên.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Như H4 01 (một) xe mô tô hiệu Vision, màu xám, biển số 70HA-075.80, số khung: RLHJK0355RY158886, số máy: JK03E3481960, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 70006383 do Nguyễn Thị Như H4 đứng tên.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh theo các biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-10-2025 và ngày 23-12-2025).

3. Xử lý Lệnh kê biên tài sản: tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản số 804, 805, 806 cùng ngày 01-10-2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đối với:

- Quyền sử dụng đất diện tích 600m², tờ bản đồ số 3, thửa đất số 452, đất tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh do bị cáo Nguyễn Thành L7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất diện tích 800m², tờ bản đồ số 64, thửa đất số 515, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh do bị cáo Nguyễn Minh T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất diện tích 295m², tờ bản đồ số 54, thửa đất số 420, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh của bị cáo Trịnh Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cho đến khi các bị cáo Nguyễn Thành L7, Trịnh Thị T1 và Nguyễn Minh T3 chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

4. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Dương Ngọc H, Nguyễn Trường A, Trịnh Thị T1, Đinh Thị Mỹ L3, Vũ Lê H2, Nguyễn Văn U, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thành L7, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm: bị cáo Dương Ngọc H 3.280.000 (ba triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, bị cáo Vũ Lê H2 772.000 (bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Văn U 627.000 (sáu trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, bị cáo Trịnh Thị T1 396.000 (ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, bị cáo Đinh Thị Mỹ L3 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và bị cáo Nguyễn Minh T3 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THAHS tỉnh Tây Ninh;
- Phân trại tạm giam Tân Châu;
- Phòng PV-06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy